

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 286/2020/HNGĐ-ST
Ngày : 22 – 6 – 2020
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thu Thủy;
2. Bà Phan Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 566/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị BTYQ, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp Bình Tân, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh NTN, sinh năm 1994. Địa chỉ cư trú: Ấp Bình Tân, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 9 năm 2019, nguyên đơn chị Q trình bày như sau:

Vào ngày 15/02/2019, chị Q kết hôn với anh NTN, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BM. Trong thời gian chung sống, anh N thường xuyên uống rượu dẫn đến gây cãi nhau, anh N có hành vi đánh đập chị Q, gây thương tích cho chị Q. Giữa chị Q và anh N đã mâu thuẫn đến mức không thể hàn gắn được, đã sống ly thân từ khoảng tháng 8 năm 2019 đến nay. Nay, chị Q yêu cầu được ly hôn với anh N. Trong thời gian chung sống có 01 con chung tên NBN, sinh ngày 06/01/2019, chị Q yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung; nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn anh N nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị Q.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Q: Vẫn giữ yêu cầu ly hôn, yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không có.
- Bị đơn anh N: Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được được công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong thời hạn chuẩn bị xét xử và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Chị Q và anh N chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến về hôn nhân. Từ khi chị Q nộp đơn ly hôn đến nay, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng anh chị không tạo điều kiện cho nhau để đoàn tụ, anh N không quan tâm cuộc sống vợ chồng, không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Tại biên bản xác minh thể hiện anh N và chị Q hiện không còn chung sống với nhau là phù hợp với lời trình bày của chị Q về việc vợ chồng ly thân đã lâu, không thể đoàn tụ. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q.

+ Về con chung: Thời gian chung sống có hai con chung tên NBN, sinh ngày 06/01/2019, chị Q yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, anh N không có ý kiến và không tranh chấp về việc nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho Q trực tiếp nuôi, chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh N vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn anh N đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Chị Q và anh N chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Thời gian chung sống, chị Q trình bày vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do anh N thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho gia đình, sau khi sinh con thì đã ly thân đến nay. Hội đồng xét xử nhận định, trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, anh N không đến Tòa án trình bày ý kiến về hôn nhân, không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Thời hạn chuẩn bị xét xử, chị Q xác định đã ly thân từ đầu năm 2009 đến nay không thể đoàn tụ, tình cảm không còn. Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn được cung cấp thông tin là giữa anh N và chị Q có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không biết, nhưng giữa anh N và chị Q không còn sống chung. Trong quá trình giải quyết vụ án anh N được tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không quan tâm cuộc sống vợ chồng, cả hai không tạo điều kiện cho nhau để tiếp tục chung sống, anh N hoàn toàn không đến thăm con, cả hai không liên lạc với nhau. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Q và anh N mâu thuẫn kéo dài, không thể tiếp tục chung sống, ngày càng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q.

+ Về con chung: Thời gian chung sống, chị Q và anh N có một con chung tên NBN, sinh ngày 06/01/2019 do chị Q trực tiếp nuôi. Quá trình chuẩn bị xét xử, chị Q yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, anh N không có ý kiến và không tranh chấp về việc nuôi con. Để đảm bảo ổn định cho hai con chung, con dưới 36 tháng tuổi, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q về việc tiếp tục nuôi con, giao con chung cho chị Q trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Q không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Nếu chị Q có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Q phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2017/0005363 ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị BTYQ được ly hôn với anh NTN.

- Về con chung: Giao con chung tên NBN, sinh ngày 06/01/2019 cho chị BTYQ trực tiếp nuôi.

+ Về cấp dưỡng cho con: Chị Q không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Chị Q cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh N thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Q phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2017/0005363 ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- UBND xã BM;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Anh

